TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 434/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2024
V/v: Ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Lê Thanh Ch.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Chung

2. Bà Vương Thị Minh Tân

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa***: Ông Trần Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1982; số CCCD: 036182000709; địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ dân phố L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh Ch (tên gọi khác: Lê Thành Ch), sinh năm 1979; số CCCD: 036079025257; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 24/31/192 Tr, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 24/31/192 Tr, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị H và anh Ch có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 30-9-2024, bản tự khai ngày 04-10-2024, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh Ch được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N vào ngày 05-3-2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên xảy ra cãi nhau. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên khoảng nhiều năm nay vợ chồng đã ly thân, mỗi người một nơi không quan tâm tới nhau. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn, đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Ch.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Phương A, sinh ngày 11-11-2001. Con chung đã trưởng thành, tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản và vay nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 24-10-2024 bị đơn là anh Lê Thanh Ch (tên gọi khác: Lê Thành Ch) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian và nơi đăng ký kết hôn như chị Trần Thị Thu H trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Bên cạnh đó chị H còn có quan hệ với người đàn ông khác nên hiện nay vợ chồng đã ly thân. Nay chị H làm đơn khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Phương A, sinh ngày 11-11-2001. Con chung đã trưởng thành, tự lập nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản và vay nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Kết quả thu thập chứng cứ tại công an phường T, thành phố N ngày 11-10-2024 xác định: Anh Lê Thanh Ch (tên gọi khác: Lê Thành Ch), sinh năm 1979; số CCCD: 036079025257 có đăng ký thường trú tại Số 24/31/192 Tr, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Hiện anh Ch đang cư trú tại địa chỉ trên cùng với mẹ là Nguyễn Thị Lan và con gái là Lê Thị Phương A.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân

sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Lê Thanh Ch (tên gọi khác: Lê Thành Ch). Về con chung: chị H và anh Ch có 01 con chung là Lê Thị Phương A, sinh ngày 11-11-2001. Con chung đã trưởng thành, tự lập nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: chị H và anh Ch không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H phải nộp toàn bộ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Thu H và anh Lê Thanh Ch (tên gọi khác: Lê Thành Ch) có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh Ch.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Lê Thanh Ch (tên gọi khác: Lê Thành Ch) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N vào ngày 05-3-2001 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên xảy ra cãi nhau. Theo anh Ch trình bày, ngoài nguyên nhân mâu thuẫn trên còn do chị H có quan hệ với người đàn ông khác. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên nhiều năm nay vợ chồng đã ly thân, không quan tâm tới nhau. Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Ch có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Lê Thanh Ch (tên gọi khác: Lê Thành Ch).

2.2 Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Lê Thanh Ch (tên gọi khác: Lê Thành Ch) có 01 con chung là Lê Thị Phương A, sinh ngày 11-11-2001. Con chung đã trưởng thành tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Lê Thanh Ch (tên gọi khác: Lê Thành Ch).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị Thu H đã nộp tại biên lai thu tiền số 00002294 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H và anh Lê Thanh Ch (tên gọi khác: Lê Thành Ch) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Mai Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Hiền